**Các nội dung dự kiến điều chỉnh, bổ sung trong quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016 (so với năm 2015)**

*(Đính kèm theo thông báo số 2544/TB-ĐHKT-TCKT, ngày 28/12/2015)*

| **STT** | **NỘI DUNG** | **QUY CHẾ NĂM 2015** | **QUY CHẾ NĂM 2016** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Điều 6: Tiền lương** | | |
| **1** | **Điều chỉnh tăng** 5% mức lương cơ bản (tăng 60.000đ) cho CBVC có hệ số lương trên 2.34 theo NQ của Quốc Hội từ 1/5/2016; | Mức lương cơ bản: **1.150.000đ/tháng** | Mức lương cơ bản: **1.210.000đ/tháng** |
| **2** | **Tiếp tục duy trì** mức lương cơ sở cho CBVC có hệ số lương từ 2.34 trở xuống theo mức 2015 | Mức lương cơ bản: **1.150.000đ/tháng** | Mức lương cơ bản: **1.242.000đ/tháng** |
| **3** | **Bổ sung** tiền lương, phụ cấp của lao động trình độ cao là người Việt Nam, người nước ngoài ký hợp đồng làm việc tại UEH | Chưa có | Căn cứ vào yêu cầu công việc, vị trí công tác, Hiệu trưởng UEH sẽ quyết định tiền lương, phụ cấp…… của lao động trình độ cao là người Việt Nam, người nước ngoài ký hợp đồng làm việc tại UEH. |
|  | **Điều 10: Thanh toán phụ cấp giảng dạy vượt giờ, các hoạt động đào tạo khác….** | | |
| **4** | **Bổ sung** hệ số quy đổi 1 tiết giảng thành giờ chuẩn | Chưa có | Đại học: Hệ số nhân 1  Cao học: Hệ số nhân 1.5  NCS: Hệ số nhân 2 |
| **5** | **Điều chỉnh** các hệ số cộng thêm, hệ số chức danh của bậc cao học, NCS để phù hợp với việc bổ sung hệ số quy đổi 1 tiết giảng sang giờ chuẩn ở **mục 4** nhằm đảm bảo thù tiền giảng là tương đương sau khi áp dụng hệ quy đổi 1 tiết giảng thành giờ chuẩn. | - Hệ số cộng thêm giảng cao học: 1  - Hệ số cộng thêm giảng NCS: 1.5  - Hệ số chức danh Ths: 0.2  - Hệ số chức danh Tiến sĩ: 0.4 | - Hệ số cộng thêm giảng cao học: 0 (vì đã có hệ số quy đổi giờ chuẩn);  - Hệ số cộng thêm giảng NCS: 0 (vì đã có hệ số quy đổi giờ chuẩn)  - Hệ số chức danh Ths: 0.3  - Hệ số chức danh Tiến sĩ: 0.5 |
| **6** | **Thay đổi** tên gọi “Đơn giá tiết chuẩn trong định mức (36.000đ/tiết)” | Đơn giá tiết chuẩn trong định mức (36.000đ/tiết) | **Đơn giá giờ chuẩn** (36.000đ/tiết) |
| **7** | **Bỏ** “Đơn giá 1 tiết chuẩn vượt giờ (52.000đ/tiết)” | Đơn giá 1 tiết chuẩn vượt giờ (52.000đ/tiết) | **Bỏ “**Đơn giá 1 tiết chuẩn vượt giờ” **và sẽ bổ sung 1 hệ số chất lượng** (1.44) để khi nhân với giờ chuẩn (36.000đ) thành 52.000đ/tiết chuẩn hoạt động đào tạo như năm 2015. |
| **8** | **Bỏ** hệ số hoàn thành NCKH năm trướ**c** | Hệ số hoàn thành NCKH năm trước là hệ số điều chỉnh đơn giá giờ giảng | **Bỏ hệ số NCKH trong đơn giá giờ giảng** để sang tập trung hỗ trợ cho các hoạt động khuyến kích NCKH khác. |
| **9** | **Bổ sung** hệ số cộng thêm giảng lớp chất lượng cao, chương trình tiên tiến **bằng tiếng Anh** | Chưa có | Hệ số cộng thêm: 1 |
| **10** | **Bổ sung** đơn giá giảng của GV nước ngoài | Chưa có | 25USD/giờ (bao gồm thuế TNCN) |
| **11** | **Bổ sung** chi giờ giảng, chấm bài, thực hành các lớp ERP hệ ĐHCQ đại trà, lớp CLC | Chưa có | Mức chi như hệ ĐHCQ đại trà |
| **12** | **Điều chỉnh** quy mô lớp học và hệ số tương ứng khi thanh toán giờ giảng | Hệ số cộng thêm bậc đại học/bổ túc kiến thức:  + Dưới 81 SV: 0  + Từ 81 đến 150 SV: 0.2  + Từ 151 đến 250 SV: 0.4 | Hệ số cộng thêm bậc đại học/bổ túc kiến thức:  + Dưới 60 SV: 0  + Từ 61 đến 120 SV: 0.2  + Trên 120 SV: 0.4 |
| **13** | **Bổ sung** số tiết hướng dẫn luận án tiến sĩ bằng tiếng Anh | Chưa có | **Bằng 02** lần số tiết hướng dẫn tiếng Việt tương ứng với từng vai trò Hướng dẫn chính, hướng dẫn phụ, hướng dẫn độc lập. |
| **14** | **Bổ sung** các thù lao liên quan đến hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ bằng tiếng Anh | Chưa có | **Bằng 02** lần các mức chi của hội đồng tiếng Việt tương ứng. |
|  | **Điều 14, phụ lục 7: Chi phụ cấp trách nhiệm cho ban cán sự lớp, cán bộ Đoàn-Hội** | | |
| **15** | **Điều chỉnh tăng** mức chi phụ cấp cho ban cán sự lớp, cán bộ Đoàn – Hội hệ ĐHCQ, VB2CQ, LT ĐHCQ | - Hệ ĐHCQ:  + Lớp trưởng, UVBCH Đoàn Trường, Bí thư-Phó Bí thư Đoàn Khoa, UVBCH Hội SV Trường, Liên chi hội trưởng các Khoa, Ký túc xá: **550.000đ/năm**  + Lớp phó, UVBCH Đoàn Khoa, Bí thư chi đoàn, UVBCH Liên Chi hội, UVBCH Chi hội ký túc xá, Chi hội trưởng, Trưởng các CLB-Đội-Nhóm thuộc Khoa và Trường: **412.500đ/năm**  - Hệ VB2CQ, LTĐHCQ  + Lớp trưởng: **550.000đ/HK** (chỉ cấp HK 1)  + Lớp phó (1 lớp phó/lớp, nếu lớp có số lượng trên 50 sinh viên): **412.500đ/HK** (chỉ cấp HK 1) | - Hệ ĐHCQ:  + Lớp trưởng, UVBCH Đoàn Trường, Bí thư-Phó Bí thư Đoàn Khoa, UVBCH Hội SV Trường, Liên chi hội trưởng các Khoa, Ký túc xá: **650.000đ/năm**  + Lớp phó, UVBCH Đoàn Khoa, Bí thư chi đoàn, UVBCH Liên Chi hội, UVBCH Chi hội ký túc xá, Chi hội trưởng, Trưởng các CLB-Đội-Nhóm thuộc Khoa và Trường: **500.000đ/năm**  - Hệ VB2CQ, LTĐHCQ  + Lớp trưởng: **650.000đ/HK** (chỉ cấp HK 1)  + Lớp phó (1 lớp phó/lớp, nếu lớp có số lượng trên 50 sinh viên): **500.000đ/HK** (chỉ cấp HK 1) |
| **16** | **Thay đổi** mức chi, cách tính phụ cấp cho ban cán sự lớp hệ cao học/NCS | Hệ cao học/NCS: **Tính theo lớp học niên** chế, hỗ trợ theo năm  Lớp trưởng: **825.000đ/năm**  Lớp phó (1 lớp phó/lớp, nếu lớp có số lượng trên 50 sinh viên): **620.000đ/năm** | Hệ cao học/NCS: **Tính theo lớp học phần tín chỉ**, hỗ trợ theo năm  Lớp trưởng: **100.000đ/môn**  Lớp phó: (1 lớp phó/lớp, nếu lớp có số lượng trên 50 sinh viên): **80.000đ/môn** |
|  | **Điều 16, phụ lục 8: Thù lao hội đồng khoa học và khen thưởng NCKH** | | |
| **17** | **Điều chỉnh** nội dung và mức chi các hoạt động liên quan đến đề tài NCKH cấp Bộ (theo Quyết định số 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27/11/2015) | - Hội đồng tư vấn thuyết minh tham gia tuyển chọn chủ trì đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ  - Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ:   * *Nghiệm thu cấp cơ sở*: … * *Nghiệm thu cấp Bộ*:… | **\* Hội đồng tư vấn, xác định nhiệm vụ KH&CN:**  - Chủ tịch: 600.000đ/người  - Thành viên: 500.000đ/người  - Thư ký hành chính: 200.000đ/người  - Thù lao nhận xét, đánh giá: 200.000đ/đề tài/người  **\* Hội đồng tư vấn, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN:**  - Thù lao họp Hội đồng  + Chủ tịch: 900.000đ/người  + Thành viên: 600.000đ/người  + Thư ký hành chính: 200.000đ/người  - Thù lao nhận xét, đánh giá: 450.000đ x 2/đề tài (mỗi đề tài được 02 người nhận xét)  **\* Hội đồng tư vấn/đánh giá/nghiệm thu cấp cơ sở nhiệm vụ KH&CN** (thù lao cho Hội đồng được trích từ kinh phí đề tài do chủ nhiệm đề tài chi trả, mức thù lao: *như năm 2015*)  **\* Hội đồng tư vấn/đánh giá/nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN**  - Thù lao họp Hội đồng:  + Chủ tịch: 900.000đ/người  + Ủy viên: 600.000đ/người  + Thư ký hành chính: 200.000đ/người  - Thù lao nhận xét:  + Nhận xét đánh giá của phản biện: 450.000đ/người  + Nhận xét đánh giá của thành viên khác: 350.000đ/người |
| **18** | **Bổ sung** mức chi thù lao tối đa tham gia các hội thảo khoa học | Chưa có | **\*Mức chi thù lao tối đa tham gia các hội thảo khoa học do UEH tô chức:**  - Người chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi hội thảo.  - Thư ký hội thảo: 500.000 đồng/buổi hội thảo.  - Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 2.000.000 đồng/báo cáo.  - Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo.  - Thành viên tham gia hội thảo: 200.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo. |
| **19** | **Điều chỉnh** các nội dung liên quan đến hỗ trợ GV đề xuất, viết thuyết minh, tham gia các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ | - Hỗ trợ Gv đề xuất đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ: được tuyển chọn vào danh mục đề tài của Nhà nước/Bộ. Mức hỗ trợ = 1.000.000 đồng/đề xuất  - Hỗ trợ Gv viết thuyết minh tham gia tuyển chọn đề tài cấp Bộ nhưng không được tuyển chọn. Mức hỗ trợ = 6.000.000 đồng/hồ sơ tham gia tuyển chọn … | \* **Bỏ quy định hỗ trợ đề xuất đề tài và thuyết minh cấp Bộ.** Lý do: (i) Có tính giờ khoa học; (ii) Thuyết minh này ưu tiên chuyển sang tuyển chọn đề tài cấp Trường.  **\* Điều chỉnh và bổ sung:**  - Hỗ trợ CBVC đề xuất đề tài và được tuyển chọn vào danh mục đề tài của Nhà nước. Mức hỗ trợ = 1.000.000 đồng/đề xuất  - Hỗ trợ CBVC viết thuyết minh tham gia tuyển chọn đề tài cấp Nhà nước. Mức hỗ trợ = 10.000.000 đồng/hồ sơ tham gia tuyển chọn.  - Hỗ trợ CBVC tham gia tuyển chọn đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh do UEH chủ trì: Hỗ trợ phương tiện đi lại để tham dự các phiên họp bảo vệ đề cương, bảo vệ dự toán kinh phí đề tài, các phiên họp khác trong quá trình tuyển chọn, gồm: xe, xăng/dầu và lái xe (kể cả công tác phí của lái xe theo quy định, nếu có).  - Hỗ trợ CBVC thực hiện đề tài (hỗ trợ sau khi đề tài đã được tuyển chọn và có kinh phí từ đơn vị chủ quản của đề tài) do UEH chủ trì:  + Hỗ trợ phương tiện đi lại để điều tra, khảo sát, thu thập số liệu; nghiệm thu đề tài và tham gia các phiên họp khác để báo cáo kết quả nghiên cứu. Bao gồm: xe và lái xe (kể cả công tác phí của lái xe theo quy định, nếu có); CBVC thực hiện đề tài phải trả phí xăng/dầu.  + Hỗ trợ phòng họp và các trang thiết bị liên quan của Trường để tổ chức hội thảo. |
|  | **Điều 16, phụ lục 9: Khen thưởng nghiên cứu khoa học** | | |
| **20** | **Điều chỉnh** khen thưởng đề tài NCKH cấp trường | - Thưởng 20% kinh phí đã được phê duyệt đối với đề tài hoàn thành trong thời hạn phê duyệt và đáp ứng đủ 2 điều kiện sau đây: (i) Đạt loại KHÁ hoặc XUẤT SẮC; (ii) Đã công bố kết quả nghiên cứu (đăng bài trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học từ cấp Trường trở lên);  - Đề tài chỉ đạt trung bình nhưng có công bố kết quả nghiên cứu (đăng bài trên tạp chí chuyên ngành hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học từ cấp Trường trở lên): không khen thưởng, tức là cấp đủ 100% kinh phí đã phê duyệt | **Điều chỉnh:**  Bỏ quy định khen thưởng;Đề tài cấp Trường hoàn thành và có công bố kết quả nghiên cứu theo hợp đồng đượccấp đủ 100% kinh phí đã phê duyệt |
| **21** | **Điều chỉnh** khen thưởng GVHD và sinh viên thực hiện công trình nghiên cứu khoa học đạt giải nhà kinh tế trẻ***:*** | - Giảng viên hướng dẫn:  + Giảng viên hướng dẫn nhiều công trình và có công trình đạt giải: 500.000đ/GV  + Giảng viên hướng dẫn một công trình và có công trình đạt giải: 350.000đ/GV  + Trường hợp công trình do nhiều giảng viên hướng dẫn thì giải thưởng chia đều cho số giảng viên.  - Sinh viên:  + Giải A: 600.000đ/công trình  + Giải B: 400.000đ/công trình  + Giải C: 300.000đ/công trình  - Khen thưởng tập thể, đơn vị có thành tích tốt trong công tác nghiên cứu khoa học sinh viên:  + Mức I: 800.000đ/ đơn vị  + Mức II: 500.000đ/ đơn vị  + Mức III: 300.000đ/ đơn vị  - Khen thưởng GVHD công trình nghiên cứu khoa học đạt Giải Tài năng khoa học Trẻ của Bộ GD&ĐT hoặc Giải Eureka(ngoài khen thưởng giải thưởng Nhà Kinh tế trẻ): 500.000đ/GV | - Giảng viên hướng dẫn:  **Điều chỉnh** Khen thưởng GVHD sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải Nhà Kinh tế trẻ:   * 350.000 đ/đề tài đạt giải * Tối đa: 1.000.000 đ/GV   Trường hợp công trình có nhiều GVHD thì giải thưởng/đề tài được chia đều cho số GVHD.  - Sinh viên:  **Điều chỉnh** Khen thưởng sinh viên đạt giải Nhà Kinh tế trẻ:  + Giải A: 1.000.000đ/công trình  + Giải B: 700.000đ/công trình  + Giải C: 500.000đ/công trình  **Điều chỉnh** Khen thưởng tập thể, đơn vị có thành tích tốt trong công tác nghiên cứu khoa học sinh viên:  + Mức I: 1.000.000đ/đơn vị  + Mức II: 800.000đ/đơn vị  + Mức III: 500.000đ/đơn vị  **Điều chỉnh:** 500.000đ/đề tài đạt giải  Trường hợp công trình có nhiều GVHD thì giải thưởng/đề tài được chia đều cho số GVHD. |
| **22** | **Bổ sung** hỗ trợ giảng viên có bài báo khoa học và tham dự hội thảo quốc tế | Hỗ trợ chi phí tham dự hội thảo khoa học quốc tế | **Như năm 2015.**  **Bổ sung:** Hỗ trợ lệ phí tham dự hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Điều kiện: (i) có bài gửi Hội thảo; và (ii) có Thư mời tham dự. |
| **23** | **Điều chỉnh** **tăng** khen thưởng có bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế | - Khen thưởng CBVC có đăng bài trên các tạp chí quốc tế được xếp hạng và không thuộc các tạp chí/nhà xuất bản *có chất lượng thấp*. Các mức khen thưởng như sau:  + Tạp chí quốc tế ISI (SSCI): **18.000.000 đ/bài**  + Tạp chí đạt chuẩn SCOPUS: **12.000.000 đ/bài**  + Tạp chí hạng ABDC: **6.000.000 đ/bài**  - Trường hợp bài báo do nhóm tác giả thực hiện thì phân chia mức thưởng như sau:   * Nhóm tác giả trên 03 người: … * Nhóm tác giả có 03 người: … * Nhóm tác giả có 02 người: …   - Đối tượng khen thưởng là CBVC đang hưởng lương tại trường.  - CBVC có đề tài được phê duyệt và tài trợ nghiên cứu hàn lâm theo phụ lục 3b không được hỗ trợ và khen thưởng theo Quy định này | - Khen thưởng CBVC có đăng bài trên các tạp chí quốc tế được xếp hạng và không thuộc các tạp chí/nhà xuất bản *có chất lượng thấp*. Các mức khen thưởng như sau:  + Tạp chí quốc tế ISI (SSCI): **45.000.000 đ/bài**  + Tạp chí đạt chuẩn SCOPUS: **30.000.000 đ/bài**  + Tạp chí hạng ABDC: **15.000.000 đ/bài**  (CBVC được khen thưởng theo mức xếp hạng cao nhất của tạp chí).  - Trường hợp bài báo do nhóm tác giả thực hiện thì tiền thưởng/bài báo được chia đều cho nhóm tác giả  Đối tượng khen thưởng là CBVC đang hưởng lương tại Trường; và (ii) CBVC công bố bài có ghi tên Trường ĐH Kinh tế TPHCM/UEH  - CBVC có đề tài được phê duyệt và tài trợ nghiên cứu hàn lâm theo *Quy định 2385/QyĐ-ĐHKT-QLKH ngày 04/12/2015* không được hỗ trợ và khen thưởng theo Quy định này |
|  | **Điều 17, phụ lục 10: Giáo trình và tài liệu học tập** | | |
| **24** | **Xác định đối tượng** giáo trình và tài liệu học tập được hỗ trợ thanh toán: **Tài liệu học tập Chương trình tiên tiến quốc tế UEH** | * Biên soạn giáo trình, tài liệu học tập … * Biên soạn syllabus môn học … * Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu biên dịch … | **- Đối tượng: Tài liệu học tập Chương trình tiên tiến quốc tế UEH**  - Thù lao biên soạn tài liệu học tập bậc cao học: 30 triệu đồng/tài liệu (*theo Thông báo 2155/TB-ĐHKT-QLKH này 23/10/2015*)  - Thù lao biên soạn tài liệu học tập bậc đại học: 20 triệu đồng/tài liệu (*theo Thông báo 1067/TB-ĐHKT-QLKH này 07/5/2015*)  - Biên soạn syllabus môn học được Hội đồng khoa học khoa, ban duyệt: 2.000.000 đ/syllabus (theo Thông báo Số 1097/ĐHKT-QLKH ngày 11/8/2014 v/v *Xây dựng đề cương chi tiết học phần cho chương trình tiên tiến*)  - Hội đồng thẩm định tài liệu học tập (tài liệu biên soạn/biên dịch):  + Chủ tịch, phản biện, thư ký: 950.000đ/người  + Ủy viên: 800.000đ/người  - Hỗ trợ xuất bản Tài liệu tham khảo được khoa/ban xác nhận phục vụ trực tiếp cho môn học:  + 1.000.000đ/tín chỉ (bậc đại học)  + 1.500.000đ/tín chỉ (bậc sau đại học) |
|  | **Điều 18: Hỗ trợ kinh phí học tập cho CBVC** | | |
| **25** | **Điều chỉnh** chế độ thu nhập đối với GV đi đào tạo trong nước | Đối với CBVC khối giảng dạy:  - Học tập trung (dành toàn thời gian cho việc học tập không tham gia giảng dạy):  + GV tự túc kinh phí (không được cấp học bổng) hoặc được cấp học bổng nhưng không có sinh hoạt phí: hưởng tiền lương theo quy định Nhà nước và phúc lợi.  + GV được cấp học bổng có sinh hoạt phí: hưởng 40% tiền lương theo quy định Nhà nước và phúc lợi.  - Học không tập trung (vừa học vừa tham gia giảng dạy đủ định mức tiết chuẩn theo quy định): được hưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ gồm tiền lương theo quy định Nhà nước; thu nhập UEH và phúc lợi. Trường hợp giảng không đủ định mức, sẽ khấu trừ tiền lương theo quy định Nhà nước và khấu trừ thu nhập UEH theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng không đạt. | Đối với CBVC khối giảng dạy:  - Học tập trung: 100% Lương, phụ cấp theo lương  - Học không tập trung (vừa học vừa tham gia giảng dạy đủ định mức tiết chuẩn theo quy định): 100% Lương, phụ cấp theo lương. Phúc lợi và Thu nhập UEH được hưởng theo tỷ lệ hoàn thành định mức giảng dạy trong năm. |
| **26** | **Bổ sung** chế độ thu nhập đối với CBVC đi bồi dưỡng trong nước | Chưa có | Được hưởng 100% Lương, phụ cấp, phúc lợi và thu nhập UEH |
| **27** | **Bổ sung** chế độ hỗ trợ đối với CBVC đi đào tạo trong nước | Chưa hỗ trợ kinh phí đi lại, công tác phí cho CBVC đi học cơ sở đào tạo ngoài UEH trong thời gian đào tạo. | Hỗ trợ kinh phí đi lại, công tác phí cho CBVC đi học cơ sở đào tạo ngoài UEH trong thời gian đào tạo (mỗi lần không quá 10 ngày):  - CBVC đi đào tạo trình độ thạc sĩ được hỗ trợ: 2 lần/khóa;  - CBVC đi đào tạo trình độ tiến sĩ được hỗ trợ: 3 lần/khóa. |
| **28** | **Điều chỉnh** chế độ hỗ trợ đối với người lao động của các Viện, Trung tâm, Công ty thuộc Trường | **UEH hỗ trợ 50%** theo mức học phí của chương trình đại trà do UEH đào tạo. | **UEH hỗ trợ 25% học phí** theo mức học phí của chương trình đại trà do UEH đào tạo (không liên kết) ngoài giờ hành chính, tương ứng với thời gian đi đào tạo. UEH khuyến khích các Viện, Trung tâm, Công ty thuộc Trường hỗ trợ 75% học phí còn lại. |
| **29** | **Điều chỉnh tăng** chế độ hỗ trợ đối với CBVC đi đào tạo ngoài nước | - CBVC được học bổng nhưng phải tự túc vé máy bay, UEH hỗ trợ:  + CBVC đi đào tạo trình độ thạc sĩ: **3.000.000đ**/khóa học;  + CBVC đi đào tạo trình độ tiến sĩ: **4.000.000đ**/khóa học.  - CBVC tự túc toàn phần, UEH hỗ trợ:  + CBVC đi đào tạo trình độ thạc sĩ: **5.000.000đ/**khóa học;  + CBVC đi đào tạo trình độ tiến sĩ: **6.000.000đ**/khóa học. | - CBVC được học bổng nhưng phải tự túc vé máy bay, UEH hỗ trợ:  + CBVC đi đào tạo trình độ thạc sĩ: **10.000.000đ**/khóa học;  + CBVC đi đào tạo trình độ tiến sĩ: **20.000.000đ**/khóa học.  - CBVC tự túc toàn phần, UEH hỗ trợ:  + CBVC đi đào tạo trình độ thạc sĩ:**15.000.000đ**/khóa học;  + CBVC đi đào tạo trình độ tiến sĩ: **30.000.000đ**/khóa học.  **-** Đối với CBVC được tuyển chọn đi đào tạo nước ngoài theo đề án của nhà nước (ví dụ Đề án 911…), nếu đơn vị quản lý chương trình có xác định mức học phí phải nộp trong nước: UEH hỗ trợ 100%. |
| **30** | **Điều chỉnh** chế độ hỗ trợ đối với CBVC đi bồi dưỡng trong nước và ngoài nước | - Trong nước: UEH hỗ trợ 100% học phí khóa học  - Ngoài nước: Chưa có | - Trong nước: UEH hỗ trợ 100% học phí khóa học **nhưng tối đa không quá 10 lần mức lương cơ sở hiện hành/viên chức/năm**.  - Ngoài nước: UEH hỗ trợ **3.000.000 đồng**/khóa bồi dưỡng đối với CBVC phải tự túc vé máy bay. |
| **31** | **Điều chỉnh** hỗ trợ kinh phí cho CBVC đạt các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ | Hỗ trợ kinh phí cho CBVC đạt các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ do các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận | Hỗ trợ kinh phí cho CBVC đạt các chứng chỉ ngoại ngữ do cơ quan khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp |
| **32** | **Điều chỉnh** hỗ trợ kinh phí cho CBVC đạt chứng chỉ lý luận dạy đại học, lớp quản lý hành chính nhà nước. | Hỗ trợ kinh phí cho CBVC đạt chứng chỉ lý luận dạy đại học, lớp quản lý hành chính nhà nước | **Bỏ nội dung này** |
|  | **Điều 29: Các khoản chi đào tạo, phục vụ đào tạo, quản lý (phụ lục 18)** | | |
| **33** | **Bổ sung** chi thù lao nhận hồ sơ xét tuyển, tư vấn tuyển sinh ĐHCQ năm 2016 | Chưa có | CBVC làm thủ tục: 450.000/buổi  CBVC phục vụ (vệ sinh, âm thanh): 250.000/buổi  Lãnh đạo: 1,5 x 450.000/buổi |
| **34** | **Bổ sung** chi thù lao nhận hồ sơ nhập học các hệ đào tạo năm 2016 | Chưa có | CBVC làm thủ tục: 450.000/buổi  CBVC phục vụ (vệ sinh, âm thanh): 250.000/buổi  Lãnh đạo: 1,5 x 450.000/buổi |
| **35** | **Điều chỉnh, xác định cụ thể mức chi** tổ chức lễ khai giảng các hệ đào tạo | Mục 1: Chi đại biểu tại TP.HCM: 250.000đ/người, địa phương khác: 200.000đ/người.  Mục 2: Phụ cấp làm việc | **Mục 1:** Thù lao tham dự, phục vụ buổi lễ: 250.000đ/người. Bao gồm:  + Lãnh đạo, đại biểu, khách mời;  + NV đơn vị QLĐT phụ trách: Tối đa 4 người  + Dẫn chương trình, lễ tân, trang trí, tuyên truyền: Tối đa 4 người  + Phục vụ (vệ sinh, âm thanh): Tối đa 2 người  + Bảo vệ: tối đa 2 người  **Mục 2: Bỏ nội dung này** |
| **36** | **Điều chỉnh, xác định cụ thể mức chi** tổ chức lễ khai giảng các hệ đào tạotổ chức lễ bế giảng các hệ đào tạo | Mục 1: Như lễ khai giảng  Mục 2: Phụ cấp làm việc | Mục 1: Mức chi như lễ khai giảng. Bổ sung:  + Thù lao GV tham gia trao bằng: 500.000đ/buổi/người  + Hỗ trợ phát bằng: 250.000đ/buổi/người (tối đa 2 sv/buổi)  Mục 2: **Bỏ nội dung này** |
| **37** | Bổ sung các mức chi thù lao **tổ chức các lớp bồi dưỡng của UEH** | Chưa có | - Khai giảng: Lãnh đạo tham dự: 250.000đ/người/khóa, chuyên viên phụ trách (tối đa 2 người): 250.000đ/người/khóa;  - Bế giảng: Lãnh đạo tham dự: 250.000đ/người/khóa, chuyên viên phụ trách (tối đa 2 người): 250.000đ/người/khóa |
| **38** | **Bổ sung** mức chi thù lao hoạt động tuyển dụng | Chưa có | **\*Hội đồng tuyển dụng:** 500.000đ/thành viên/phiên họp  **\* Ra đề thi:**  - Môn Kiến thức chung: 375.000đ/đề x 2 đề  - Môn Tiếng Anh: 500.000đ/đề x 4 đề  - Môn Tin học: 5000đ/đề x 2 đề  **\*Coi thi:**  - Cán bộ coi thi: 300.000đ/môn/người  - Trưởng ban: 300.000đ/môn x 1.5  **\* Chấm thi:**  - Các môn KTC, tiếng Anh, tin học: 23.000đ/bài  - Môn chuyên môn nghiệp vụ:  +Trưởng ban: 1.000.000đ/buổi/người  +Thành viên, thư ký: 800.000/buổi/người  **\* Bộ phận phục vụ (hậu cần, kỹ thuật, vệ sinh):** 300.000đ/người (tối đa 3 người) |
| **39** | **Bổ sung mức chi tham dự các hội nghị tại UEH** | Chưa có | Hội nghị CBVC cấp đơn vị: **200.000đ/người;**  Hội nghị CBVC cấp trường: **300.000đ/người**;  Các hội nghị, họp mặt khác (nếu có): **Tối đa không quá 200.000đ/người.** |
| **40** | **Điều chỉnh** nội dung chi tổ chức các hoạt động, sự kiện tại UEH | Kinh phí ban tổ chức: Không quá 20% kinh phí của hoạt động | Kinh phí ban tổ chức: Chi thù lao cho các thành viên BTC hoạt động theo quyết định thành lập của Hiệu trưởng không quá 20% kinh phí hoạt động và **tối đa 2.000.000đ/người/hoạt động.** |
| **41** | **Bổ sung** nội dung chi hỗ trợ các khoa thực hiện kiểm định AUN | Chưa có | - Thực hiện báo cáo tự đánh giá: 55.000.000đ/chuyên ngành  - Thực hiện đánh giá ngoài: 15.000.000đ/chuyên ngành |